

Nguyễn Lê Hà - plagchecked.docx

By nguyen le ha

The changing role of lecturers in the digital education environment

ABSTRACT

The article focuses on analyzing the changing role of lecturers in the digital education environment under the influence of technology and new educational trends. The role of lecturers is no longer limited to delivering knowledge but has expanded to include guiding, advising, designing digital content, and providing technical support. The article highlights new skills that lecturers need to develop, ranging from managing online classes to creating multimedia learning materials. It also addresses challenges such as the pressure of technology usage, the increased workload, and the need for online interaction with students. In response to these challenges, lecturers need to be supported with technology training and appropriate policy environments to effectively meet the demands of education in the digital age.

Keywords: *Digital education, lecturer, E-learning, personalized learning*

Sự thay đổi vai trò của giảng viên trong môi trường giáo dục số

TÓM TẮT

Bài báo tập trung phân tích sự thay đổi vai trò của giảng viên trong môi trường giáo dục số dưới tác động của công nghệ và các xu hướng mới trong giáo dục. Vai trò của giảng viên không còn chỉ là người truyền đạt kiến thức, đã mở rộng thành người hướng dẫn, cố vấn, thiết kế nội dung số và hỗ trợ kỹ thuật. Bài viết nhấn mạnh đến các kỹ năng mới mà giảng viên cần phát triển, từ khả năng quản lý lớp học trực tuyến đến kỹ năng xây dựng tài liệu học tập đa phương tiện. Đồng thời, cũng nêu ra các thách thức như áp lực từ việc sử dụng công nghệ, khối lượng công việc gia tăng và nhu cầu tương tác trực tuyến với người học. Trước những thay đổi này, giảng viên cần được hỗ trợ về đào tạo công nghệ và môi trường chính sách phù hợp để đáp ứng hiệu quả các yêu cầu của giáo dục trong thời đại số.

Từ khóa: Giáo dục số, giảng viên, học trực tuyến, cá nhân hóa học tập

1. MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học công nghệ và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin (TT), Internet, thì môi trường giáo dục (GD) đang trải qua những thay đổi sâu rộng. Sự xuất hiện của các công nghệ mới như (AI), học máy (machine learning), học trực tuyến (E-learning) và các hệ thống quản lý học tập (LMS) đã thay đổi cách thức truyền đạt kiến thức và phương pháp giảng dạy truyền thống. Sự phát triển đã tạo ra những thay đổi to lớn, không chỉ mang lại những lợi ích vượt trội về mặt tiện ích và khả năng tiếp cận mà còn đặt ra nhiều thách thức mới đối với người giảng viên (GV), từ vai trò người truyền đạt tri thức một chiều như trong mô hình GDTT sang vai trò trở thành người hướng dẫn, điều phối, hỗ trợ, cố vấn và tạo động lực cho người học trong quá trình học, tự học và nghiên cứu.

Trước đây, vai trò của GV chủ yếu là trung tâm của quá trình giảng dạy, là người cung cấp và truyền đạt kiến thức cho sinh viên, học viên (người học). Tuy nhiên, với sự phát triển của các nền tảng học số và sự dễ dàng trong việc tiếp cận thông tin, vai trò này đang dần bị phá vỡ và thay đổi. Trong môi trường GD số, người học có thể tự tìm kiếm kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau mà không cần phụ thuộc hoàn toàn vào GV. Điều này đòi hỏi GV phải thay đổi cách tiếp cận, từ việc giảng dạy thuần túy sang việc xây dựng các môi trường học tập linh hoạt, kích thích tư duy sáng tạo và phát triển kỹ năng tự học của người học.

2. NỘI DUNG

2.1. Vai trò truyền thống của giảng viên

2.1.1. Khái niệm giáo dục truyền thống

Giáo dục truyền thống (GDTT) đã tồn tại qua nhiều thế hệ, khái niệm GDTT được nghiên cứu tiếp cận như sau:

- Theo nhà nghiên cứu Phạm Văn Hùng, GDTT được hiểu “là một hệ thống GD dựa trên giá trị và phương pháp đã tồn tại lâu đời, không chỉ tập trung vào truyền đạt kiến thức, mà còn nhấn mạnh việc hình thành các giá trị đạo đức, kỷ luật và trách nhiệm trong người học”.

- Tác giả Nguyễn L.T. và Nguyễn M. T. cho rằng GDTT là “tập trung vào các phương pháp GD đã được truyền lại qua nhiều thế hệ, thường liên quan đến phương pháp lấy giảng viên làm trung tâm”.

Từ những nghiên cứu trên, khái niệm GDTT được hiểu “là hình thức GD trực tiếp trong lớp học, nơi người dạy đóng vai trò là nguồn kiến thức chính, người học tiếp thu thông tin qua việc lắng nghe và ghi chép. Mô hình này có sự tương tác trực tiếp giữa người dạy và người học, nhấn mạnh phương pháp giảng dạy dựa vào việc truyền đạt thông tin một chiều từ người dạy sang người học. Môi trường học tập có tính kỷ luật và cấu trúc cao”.

Một số điểm chính của GDTT bao gồm: phương pháp giảng dạy lấy người dạy làm trung tâm, học thụ động, chương trình giảng dạy được tiêu chuẩn hóa, đánh giá thông qua thi cử, môi trường lớp học diễn ra trong không gian vật lý.

2.1.2. Các yếu tố tác động đến sự thay đổi giáo dục truyền thống

Giáo dục truyền thống tại các trường đại học đã tồn tại lâu đời với những phương pháp giảng dạy như giảng đường trực tiếp và cách tiếp cận tập trung vào GV. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, trong bối cảnh đang chứng kiến sự chuyển đổi mạnh mẽ dưới tác động của nhiều

yếu tố khác nhau, bao gồm sự phát triển công nghệ, nhu cầu của người học và những yêu cầu từ môi trường và thị trường lao động.

- **Sự phát triển của công nghệ:** Công nghệ số là yếu tố tiên phong thúc đẩy sự thay đổi trong GD. Các nền tảng học trực tuyến (HTT), các ứng dụng công nghệ trong lớp học như Moodle, Google Classroom và hệ thống LMS... đã làm thay đổi cách tiếp cận GV và người học đối với việc học. Việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy đã mang lại hiệu quả cao hơn, tạo cơ hội học tập linh hoạt cho người học, vì vậy công nghệ không chỉ mở rộng phạm vi tiếp cận GD mà còn thay đổi bản chất của tương tác giữa GV và người học.

- **Sự phát triển của AI, dữ liệu lớn, học máy (machine learning)** đã và đang góp phần tối ưu hóa các phương pháp giảng dạy cá nhân hóa và đo lường hiệu quả học tập. Đây là xu hướng quan trọng mà GDDT cần thích nghi để đảm bảo cung cấp kiến thức phù hợp với thời đại số.

- **Nhu cầu và tâm lý của người học:** Trong giai đoạn hiện nay người học đòi hỏi sự linh hoạt cao hơn trong việc tiếp cận kiến thức. Phần lớn người học, đặc biệt là các thế hệ trẻ như thế hệ Generation Z (nhóm người sinh ra trong khoảng giữa thập niên 1990 đến đầu thập niên 2010), mong muốn có nhiều quyền kiểm soát hơn đối với quá trình học tập của mình. Họ mong muốn các phương pháp học tập đa dạng, có tính tương tác cao và đặc biệt là phù hợp với nhịp độ học tập cá nhân. Vì vậy, trong xu thế hiện nay việc chuyển đổi sang hình thức đào tạo mở và từ xa đã giúp đáp ứng nhu cầu học tập của người học, đồng thời giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Theo UNESCO vào năm 2022, việc áp dụng công nghệ vào GD đã tăng mạnh trong thập kỷ qua, đặc biệt là trong và sau đại dịch COVID-19. Điều này đã làm cho các GV phải thích nghi với những phương pháp giảng dạy mới để đáp ứng nhu cầu học tập từ xa và học kỹ thuật số. Trong bối cảnh này, nhiều GV phải nâng cao năng lực kỹ thuật số và điều chỉnh cách tiếp cận học, mặc dù vẫn có những thách thức về việc đảm bảo tiếp cận công bằng cho tất cả người học. Hơn nữa, các chính phủ và hệ thống GD trên toàn thế giới đã và đang nỗ lực sử dụng công nghệ để cải thiện chất lượng và hiệu quả, nhưng vẫn còn những thách thức đáng kể về cơ sở hạ tầng và đào tạo cho GV.

- **Áp lực từ thị trường lao động và xã hội:** Thị trường lao động hiện đại đang chuyển dịch theo hướng đòi hỏi những kỹ năng mới như tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp. Theo báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, đến năm 2025, khoảng 85 triệu công việc có thể bị thay thế bởi công nghệ, trong

khí nhiều công việc mới sẽ đòi hỏi các kỹ năng mà GDDT chưa chuẩn bị đầy đủ. Trong bối cảnh này, GD cần đáp ứng những yêu cầu của xã hội. Việc tích hợp các phương pháp học tập dựa trên dự án, thực hành và hợp tác vào chương trình đào tạo sẽ giúp người học phát triển những kỹ năng mềm cần thiết, GD đại học tại Việt Nam đang điều chỉnh mạnh mẽ để bắt kịp với xu hướng này.

- **Tác động của đại dịch COVID-19:** đã đóng vai trò chất xúc tác mạnh mẽ trong việc thúc đẩy sự thay đổi của GD truyền thống. Nhiều trường đại học trên toàn thế giới buộc phải chuyển sang hình thức giảng dạy trực tuyến trong thời gian ngắn, đại dịch đã làm rõ những điểm yếu của GDDT trong việc ứng phó với các tình huống bất ngờ và thúc đẩy nhanh chóng quá trình số hóa trong giáo dục.

Hiện nay, chúng ta có thể thấy GDDT đang đối mặt với những thách thức trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của công nghệ và những thay đổi về nhu cầu xã hội. Các yếu tố như công nghệ, nhu cầu của người học, yêu cầu từ thị trường lao động và đại dịch COVID-19 đều góp phần thúc đẩy sự thay đổi mạnh mẽ này. Các cơ quan GD cần sẵn sàng thay đổi mô hình giảng dạy và phương pháp đào tạo để phù hợp với bối cảnh mới, đồng thời đảm bảo cho người học có thể phát triển toàn diện về kiến thức và kỹ năng.

2. Sự phát triển của giáo dục số

2.2.1. Khái niệm giáo dục số (Digital Education)

Giáo dục số đang ngày càng trở nên quan trọng trong bối cảnh CNTT phát triển vượt bậc. Khái niệm về GD số có thể được tiếp cận từ các góc độ sau:

Tác giả Anderson, T. cho rằng GD số là việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số trong việc giảng dạy và học tập.

- Theo UNESCO, GD số không chỉ là việc sử dụng CNTT mà còn là sự tích hợp công nghệ vào mọi khía cạnh của GD, từ nội dung học tập đến phương pháp giảng dạy và quản lý GD.

Từ các khái niệm trên có thể hiểu GD số là: “Sự kết hợp giữa việc ứng dụng công nghệ và các phương pháp GD hiện đại để cung cấp kiến thức một cách linh hoạt và hiệu quả. Thông qua các nền tảng trực tuyến, người học có thể truy cập tài liệu học tập bất cứ lúc nào, bất kỳ ở đâu và có thể dễ dàng quản lý nội dung giảng dạy và theo dõi tiến độ học tập của người học”.

2.2.2. Lý thuyết về sự thay đổi vai trò của giảng viên

Theo Bates (2015), trong môi trường GD số, GV không chỉ đơn thuần là người truyền đạt thông tin mà còn là người hướng dẫn quá trình học tập, hỗ trợ người học tìm kiếm, phân tích và áp dụng thông tin một cách hiệu quả. Điều này

được gọi là vai trò "người tạo hỗ trợ - facilitator" trong môi trường học tập hiện đại.⁸

- Collins & Halverson nhấn mạnh sự chuyển đổi từ giảng dạy truyền thống sang GD số yêu cầu giảng viên phải có khả năng thiết kế nội dung linh hoạt, phát triển các kỹ năng công nghệ và hỗ trợ học viên trong môi trường học tập độc lập hơn.⁹

Lý thuyết về vai trò GV trong GD số cho thấy GV không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn là người hướng dẫn, tư vấn và quản lý học tập. GV cần có kỹ năng số, kiến lý dữ liệu, cá nhân hóa học tập và linh hoạt phương pháp giảng dạy để đáp ứng nhu cầu học ngày càng cao.

2.3. Vai trò của giảng viên trong môi trường giáo dục số

Trong môi trường GD số, người GV cần có nhiều sự chuyển dịch vai trò của mình, được thể hiện qua một số nội dung sau:

- **Người thiết kế nội dung số:** GV không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn là người thiết kế nội dung số phù hợp với nhu cầu người học, bao gồm bài giảng trực tuyến, tài liệu tham khảo và hoạt động tương tác. Vai trò của họ chuyển từ dạy truyền thống sang tạo dựng trải nghiệm học tập số, giúp người học tự tìm hiểu và tương tác linh hoạt. Điều này đòi hỏi GV phân tích nhu cầu học tập, chọn lọc nội dung phù hợp và thiết kế tài liệu tương tác như video, bài giảng điện tử và kiểm tra trực tuyến để nâng cao hiệu quả và sự chủ động học tập của người học.

- **Người quản lý học tập và dữ liệu:** Trong môi trường GD số, GV không chỉ dạy mà còn quản lý quá trình và dữ liệu học tập của người học. Nhờ nền tảng trực tuyến và công cụ LMS, GV có thể theo dõi, phân tích dữ liệu để điều chỉnh nội dung, nâng cao hiệu quả học tập cá nhân. Vai trò này đòi hỏi GV biết sử dụng công cụ phân tích để nhận diện điểm yếu và hỗ trợ người học kịp thời, giúp họ phát triển tối ưu trong môi trường số. Dữ liệu bao gồm tiến độ, điểm số và mức độ tham gia của người học.

- **Người hướng dẫn và cố vấn:** Trong bối cảnh GD số, GV chuyển từ vai trò truyền đạt sang hướng dẫn và cố vấn, giúp người học tự định hướng và phát triển kỹ năng tự học. Khi người học có khả năng tự khám phá kiến thức qua Internet... GV hỗ trợ định hướng, phát triển tư duy phân biện và khả năng giải quyết vấn đề. Đồng thời, họ cũng là cố vấn hỗ trợ người học vượt qua thách thức học tập, tạo môi trường học tập tích cực để duy trì động lực và phát huy tiềm năng của người học.

- **Người tạo điều kiện cá nhân hóa:** Trong môi trường này GV không chỉ cung cấp kiến thức mà còn tạo điều kiện cho học tập cá nhân hóa, tùy chỉnh nội dung và phương pháp giảng dạy theo nhu cầu và phong cách của người

học nhờ công nghệ. Sử dụng nền tảng trực tuyến và công cụ phân tích, GV theo dõi tiến bộ, nhận diện khó khăn của người học để điều chỉnh giảng dạy, tăng cường động lực và sự tham gia. Đồng thời, họ cung cấp tài nguyên đa dạng như video, bài tập tương tác và hoạt động nhóm, giúp người học học theo cách phù hợp nhất, phát triển kỹ năng tự học và trở thành người học suốt đời.

- **Người hỗ trợ kỹ thuật:** Trong nền tảng số, GV không chỉ giảng dạy mà còn hỗ trợ kỹ thuật, giúp người học sử dụng hiệu quả các công cụ và nền tảng trực tuyến. Họ cần am hiểu công nghệ để hỗ trợ khi người học gặp khó khăn kỹ thuật, từ đăng nhập, nộp bài đến tương tác trên nền tảng số. Vai trò này đòi hỏi GV phải thành thạo kỹ năng cơ bản, tạo điều kiện học tập thuận lợi và giúp người học tin hơn khi sử dụng công nghệ.

- **Người đánh giá và hỗ trợ phát triển kỹ năng số:** GV không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn đánh giá và hỗ trợ phát triển kỹ năng số cho người học. Trước sự phổ biến của công nghệ số, họ giúp người học xây dựng năng lực số hóa để khai thác thông tin an toàn, hiệu quả, và có trách nhiệm. Bằng cách hướng dẫn sử dụng công cụ trực tuyến, giải thích bài tập, dự án và phản hồi chi tiết, GV giúp người học phát triển tư duy phân biện, kiến lý thông tin và xử lý dữ liệu số, chuẩn bị cho yêu cầu của thị trường lao động số hóa.

- **Người phát triển kỹ năng mềm:** Giảng viên không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn giúp phát triển kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, quản lý thời gian và những năng lực quan trọng để thích nghi trong thời đại số. Thông qua các hoạt động tương tác, dự án thực tiễn và công cụ cộng tác số, GV khuyến khích người học tham gia thảo luận, trình bày và làm việc nhóm, từ đó phát triển kỹ năng giao tiếp, lãnh đạo và quản lý công việc từ xa. Họ còn giúp người học rèn luyện kỹ năng, tự học và thích nghi với công nghệ để thành công trong môi trường kỹ thuật số.

- **Quản lý và điều phối lớp học trực tuyến:** Ngoài giảng dạy, GV còn quản lý và điều phối lớp học trực tuyến, tổ chức thời gian và duy trì tương tác để học viên tham gia hiệu quả. Họ lập kế hoạch, quản lý tiến độ và phân bổ thời gian cho các hoạt động, đồng thời thúc đẩy sự tham gia qua các công cụ như diễn đàn, trò chuyện và họp nhóm ảo. Việc quản lý này không chỉ giúp duy trì kết nối mà còn tăng cường động lực và khả năng tương tác của người học, tạo ra trải nghiệm học tập toàn diện trong không gian số.

2.4. Những thách thức và cơ hội trong môi trường giáo dục số

2.4.1. Những thách thức của giảng viên trong môi trường giáo dục số

- **Thách thức về kỹ năng công nghệ:** Trong

bởi cả 44 chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ vào giảng dạy là xu hướng tất yếu, nhưng GV phải mất với nhiều thách thức. Họ không chỉ cần kỹ năng sử dụng công cụ trực tuyến, hệ thống LMS phần mềm tương tác, mà còn phải theo kịp sự phát triển công nghệ nhanh chóng, điều này đòi hỏi thời gian và nguồn lực lớn. Áp lực tích hợp công nghệ vào giảng dạy cũng đặt ra yêu cầu về sáng tạo và tư duy linh hoạt, trong khi các nền đề kỹ thuật và bảo mật có thể làm gián đoạn quá trình giảng dạy. Tuy nhiên, nhiều cơ sở GD thiếu chương trình đào tạo công nghệ hỗ trợ GV, khiến việc tự học trở nên khó khăn. Để vượt qua những thách thức này, GV cần tinh thần học hỏi và sự hỗ trợ từ nhà trường nhằm nâng cao kỹ năng công nghệ. Theo một khảo sát của Bộ GD&ĐT năm 2021, 70% gặp khó khăn với công nghệ mới, do đó họ cần liên tục cập nhật kỹ năng để thích ứng.

- **Tăng khối lượng công việc:** Với chuyển đổi sang giảng dạy trực tuyến, GV phải đối mặt với khối lượng công việc gia tăng rõ rệt. Họ cần dành nhiều thời gian để chuẩn bị bài giảng, tạo tài liệu điện tử, video và các hoạt động tương tác. Trong môi trường này, GV cũng phải đánh giá và phản hồi liên tục cho người học, theo dõi tiến độ và xử lý các bài kiểm tra trực tuyến. Họ còn phải hỗ trợ các vấn đề kỹ thuật mà người học gặp phải như lỗi truy cập, kết nối kém và khó sử dụng phần mềm, đặc biệt trong điều kiện thiếu hỗ trợ kỹ thuật; GV cập nhật kỹ năng công nghệ thường xuyên, tham gia đào tạo và học cách sử dụng phần mềm mới để ứng dụng môi trường số hóa. Đồng thời, để duy trì động lực và sự tham gia của người học, họ phải tạo ra các hoạt động tương tác thu hút và theo dõi sát sao. Quản lý dữ liệu về tiến độ học tập và cá nhân hóa hỗ trợ cho từng người học cũng tiêu tốn thêm nhiều thời gian; Ngoài ra, GV phải phối hợp với đồng nghiệp, bộ phận kỹ thuật và quản lý học vụ để phát triển nội dung số. Khối lượng công việc gia tăng không chỉ đòi hỏi thời gian và năng lực mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần, do đó, GV cần được hỗ trợ nhiều mặt trong môi trường GD số.

- **Áp lực quản lý thời gian:** Giảng viên không chỉ đáp ứng yêu cầu chuyên môn mà còn phải quản lý thời gian hiệu quả để cân bằng giữa giảng dạy, hỗ trợ người học, cập nhật công nghệ và tham gia đào tạo, đặc biệt trong môi trường đòi hỏi tương tác cao và phản hồi nhanh. Áp lực thời gian với GV đến từ nhiều yếu tố. Đầu tiên, để chuẩn bị bài giảng số, GV phải xây dựng các nội dung đa phương tiện như bài giảng tương tác và kiểm tra trực tuyến, đòi hỏi nhiều thời gian và công sức hơn giảng dạy truyền thống. Thứ hai, trong lớp trực tuyến, GV phải theo dõi tiến độ của từng người học và hỗ trợ kịp thời, dễ dẫn đến quá

tải số lượng người học lớn. Thứ ba, GV cần tạo các hoạt động tương tác như thảo luận nhóm và trò chơi để duy trì động lực học tập, đòi hỏi sự đầu tư thời gian đáng kể. Bên cạnh đó, sự phát triển liên tục của công nghệ GD buộc GV phải liên tục học hỏi và rèn luyện kỹ năng mới, tăng thêm áp lực thời gian. Ngoài ra, GV còn phải xử lý các sự cố kỹ thuật như lỗi phần mềm, mạng không ổn định, yêu cầu xử lý kịp thời để không gián đoạn giảng dạy. Việc tham gia họp và đào tạo nội bộ cũng chiếm một phần thời gian, nhằm cập nhật phương pháp giảng dạy và các kỹ năng mới. Cuối cùng, khối lượng công việc lớn và thời gian làm việc ngoài giờ ảnh hưởng đến sức khỏe và chất lượng cuộc sống của GV, dễ dẫn đến tình trạng kiệt sức. Để giảm áp lực thời gian, GV cần kỹ năng tổ chức, biết ưu tiên công việc hợp lý, và sự hỗ trợ từ nhà trường các công cụ quản lý thời gian và đào tạo kỹ năng sẽ giúp giảm bớt áp lực cho GV trong trường giáo dục số.

- **Sự thiếu tương tác trực tiếp với người học:** Giảng viên gặp khó khăn khi thiếu sự tương tác trực tiếp với người học như trong lớp học trực tiếp, điều này ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và làm giảm sự gắn kết giữa GV và người học. Thách thức đầu tiên là việc đánh giá hiểu biết và tiến độ học tập của người học, khi GV không thể quan sát ngôn ngữ cơ thể để phát hiện sớm các khó khăn của người học, làm giảm khả năng điều chỉnh phương pháp giảng dạy. Tiếp theo, thiếu kết nối trực tiếp dễ làm giảm động lực học của người học và tạo cảm giác xa cách. Việc tạo không gian thảo luận cũng khó khăn hơn, do giới hạn kỹ thuật và tính tương tác thấp trong lớp học trực tuyến, buộc GV phải nỗ lực để duy trì môi trường trao đổi hiệu quả. Hơn nữa, GV khó phản hồi và hướng dẫn cá nhân hóa kịp thời qua các kênh trực tuyến, gây chậm trễ trong việc hỗ trợ người học. Quản lý và kiểm soát lớp học cũng gặp thách thức hơn khi GV không thể giám sát chặt chẽ sự tham gia của từng người học, ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy. Bên cạnh đó, thiết kế các hoạt động tương tác đa dạng như thảo luận nhóm và thực hành trong môi trường số đòi hỏi sự sáng tạo và kỹ năng công nghệ, làm tăng áp lực cho GV. Sự thiếu tương tác mặt đối mặt còn ảnh hưởng đến việc xây dựng văn hóa lớp học, làm giảm tính gắn kết và bầu không khí thoải mái, gần gũi. Đồng thời, GV cũng gặp khó khăn trong việc xây dựng lòng tin và hỗ trợ từ người học, khi các ý kiến và phản hồi không được truyền đạt kịp thời, làm giảm sự tin tưởng của người học với GV. Để khắc phục, GV cần tìm kiếm các công cụ và phương pháp tăng cường tương tác trong lớp học trực tuyến, như sử dụng phần mềm thảo luận, khảo sát trực tuyến và hoạt động nhóm ảo. Sự hỗ trợ từ nhà trường và các chương trình đào tạo về

giảng dạy trực tuyến cũng rất cần thiết giúp GV thu hẹp khoảng cách tương tác và nâng cao hiệu quả giảng dạy.

- **Tăng cường hoạt động kiểm tra, đánh giá học tập:** Trong môi trường GD số, việc kiểm tra và đánh giá học tập của người học đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn so với hình thức truyền thống. GV cần thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp để đo lường chính xác năng lực người học, nhưng phải các thách thức như sau: Đầu tiên, thiết kế bài kiểm tra phù hợp đòi hỏi sự sáng tạo và kiến thức công nghệ để xây dựng các hình thức đánh giá đa dạng như bài tập nhóm và dự án trực tuyến. Thứ hai, đảm bảo tính trung thực trong kiểm tra khó thực hiện khi thiếu giám sát trực tiếp, buộc GV phải sử dụng công cụ chống gian lận, tuy nhiên điều này áp lực về chi phí và thời gian. Việc đánh giá kỹ năng mềm như làm việc nhóm và tư duy phản biện cũng khó khăn hơn khi GV không thể quan sát trực tiếp, đòi hỏi thiết kế dự án thực tế và hỗ trợ công cụ công nghệ. Áp lực từ yêu cầu đánh giá liên tục, phản hồi thường xuyên khiến GV dễ bị quá tải, nhất là khi số lượng người học đông. Hơn nữa, thiếu công cụ đánh giá toàn diện đòi hỏi GV tự xây dựng phương pháp đánh giá bổ sung, tốn nhiều công sức. Việc phản hồi nhanh trong lớp học số cũng là áp lực khi GV phải đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người học một cách kịp thời. Ngoài ra, yêu cầu công bằng và minh bạch trong đánh giá cũng áp lực khi người học có kỳ vọng cao. Để vượt qua những thách thức này, GV cần linh hoạt áp dụng công nghệ, sáng tạo trong phương pháp giảng dạy và nhận được sự hỗ trợ từ phần mềm quản lý học tập các chương trình đào tạo kỹ năng số, cùng với sự hỗ trợ từ nhà trường, nhằm nâng cao hiệu quả kiểm tra, đánh giá trong môi trường GD số.

2.4.2. Những cơ hội của giảng viên trong môi trường giáo dục số

- **Nâng cao chất lượng giảng dạy:** Môi trường GD số mở ra cơ hội cho GV nâng cao chất lượng giảng dạy thông qua công nghệ và phương pháp mới. GV có thể tạo tài nguyên học tập đa dạng như video, mô phỏng 3D... giúp bài giảng sinh động và dễ hiểu hơn, đồng thời dễ dàng cập nhật kiến thức. Phương pháp giảng dạy cá nhân hóa cho phép theo dõi và điều chỉnh tiến độ từng người học qua công cụ LMS, nâng cao hiệu quả học tập. Các công cụ tương tác như diễn đàn, lớp học trực tuyến giúp GV kết nối, giải đáp và hỗ trợ người học nhanh chóng, tạo môi trường học tích cực. GV có thể áp dụng phương pháp đánh giá liên tục qua bài tập tình huống và dự án, đo lường kỹ năng phân tích và sáng tạo của người học chính xác hơn thông qua hồ sơ năng lực cũng khuyến khích thử nghiệm các phương pháp như học dựa trên dự án và học kết hợp, giúp người học chủ

động khám phá, phát triển kỹ năng nhóm và giải quyết vấn đề. Đồng thời, việc sử dụng công nghệ số giúp GV nâng cao năng lực bản thân, học hỏi thêm về AI và phân tích dữ liệu. Tài liệu giảng dạy số hóa dễ dàng cập nhật, đảm bảo kiến thức mới nhất và phù hợp với thực tiễn. Dữ liệu còn tạo sự linh hoạt trong lịch giảng dạy, cho phép người học học mọi lúc, mọi nơi, cải thiện trải nghiệm học tập và tăng gắn kết. Nhìn chung, GD số không chỉ hỗ trợ mà còn thúc đẩy GV nâng cao hiệu quả giảng dạy, giúp người học phát triển toàn diện cho tương lai.

- **Phát triển phương pháp giảng dạy mới:** Môi trường GD số tạo điều kiện cho GV phát triển phương pháp giảng dạy mới, sáng tạo và hiệu quả hơn. Việc áp dụng CNTT trong giảng dạy, như công cụ trực tuyến, phần mềm quản lý lớp học, video cá nhân, giúp tạo trải nghiệm học hấp dẫn. Phương pháp giảng dạy kết hợp (Blended Learning) và học dựa trên dự án (Project-Based Learning) giúp tối ưu hóa thời gian học và khuyến khích thực hành, làm việc nhóm. Công nghệ số hỗ trợ GV tạo hoạt động tương tác và thu thập, phân tích dữ liệu để điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp. Đồng thời, GV có thể tạo môi trường học chủ động, sử dụng công cụ đánh giá đa dạng, không chỉ qua bài kiểm tra mà còn qua dự án và đánh giá thực hành. GD số cũng giúp GV dễ dàng cập nhật kiến thức qua khóa học trực tuyến, hội thảo và thu thập phản hồi của người học, từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy. Phát triển phương pháp mới không chỉ là cơ hội mà còn là yêu cầu thiết yếu để GV đáp ứng nhu cầu của người học và nâng cao chất lượng GD.

2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của giảng viên trong môi trường số

- **Về chính sách:** Chính sách trong GD số cần điều chỉnh để hỗ trợ GV trong chuyển đổi từ GDT sang trực tuyến. Trọng tâm chính sách gồm: xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số cho GV, đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ như thiết bị, Internet, tăng cường tính bảo mật và quyền riêng tư cho dữ liệu học tập, đồng thời khuyến khích và công nhận vai trò GV qua các hình thức khen thưởng. Những chính sách phù hợp sẽ giúp GV phát huy năng lực chuyên môn vào sự phát triển bền vững của GD số trong thời đại 4.0.

- **Nhu cầu của người học:** Người học trong MTS mong muốn tự chủ, linh hoạt trong lựa chọn nội dung, thời gian, và tốc độ học tập; họ cần tài liệu truy cập mọi lúc để tự học hiệu quả. Họ cũng yêu cầu tương tác và hỗ trợ kịp thời từ GV qua các kênh trực tuyến để giải đáp thắc mắc, đồng thời mong muốn nội dung học cá nhân hóa theo trình độ và mục tiêu cá nhân. Ngoài ra, người học cần phát triển kỹ năng thực hành thông qua các

bài tập, dự án mở rộng. Để duy trì động lực, GV cần đóng vai trò động viên, khích lệ tinh thần và tạo môi trường kết nối nhóm. Những yêu cầu này đòi hỏi GV linh hoạt, thành thạo công nghệ, và trở thành cố vấn, người hướng dẫn trong MTS.

- **Năng lực của giảng viên:** Năng lực GV trong MTS không chỉ bao gồm kiến thức chuyên môn mà còn đòi hỏi các kỹ năng công nghệ và sư phạm số. Cụ thể, GV cần thành thạo công cụ CNTT như hệ thống LMS và phần mềm tạo nội dung số để thiết kế bài giảng tương tác, giúp người học tiếp cận và duy trì sự hứng thú. Họ cũng cần có khả năng điều chỉnh phương pháp giảng dạy trực tuyến, hỗ trợ người học tự học và phát triển kỹ năng tự chủ. Ngoài ra, GV cần kỹ năng quản lý lớp HTT, duy trì kỷ luật và giải quyết sự cố kỹ thuật, cũng như đánh giá và phản hồi kịp thời để đảm bảo tiến trình học tập. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả, tạo động lực và kết nối người học trong môi trường số là rất quan trọng để duy trì động lực và giảm thiểu giác cô lập. Những năng lực này giúp GV đáp ứng yêu cầu giảng dạy trực tuyến, nâng cao chất lượng học tập và trải nghiệm của người học.

- **Năng lực của người học:** Năng lực người học trong MTS ảnh hưởng sâu sắc đến vai trò của GV trong hướng dẫn và điều chỉnh phương pháp giảng dạy. Các năng lực chính gồm: Tự học và tự quản lý, thì người học cần lập kế hoạch, đặt mục tiêu, quản lý thời gian hiệu quả khi không có giám sát trực tiếp; do đó, GV cần chuyển vai trò sang hỗ trợ phát triển kỹ năng tự học. Kỹ năng công nghệ: người học cần thành thạo công cụ học tập số, nếu không GV sẽ phải hỗ trợ kỹ thuật nhiều, làm giảm thời gian giảng dạy. Đối với tương tác giao tiếp trực tuyến: người học phải giao tiếp hiệu quả qua các nền tảng trực tuyến; nếu gặp khó khăn, GV cần hỗ trợ để tăng cường tương tác. Việc thích ứng với phương pháp học mới: người học cần thích ứng nhanh với các phương pháp như học qua video, mô phỏng ảo...; GV cần xây dựng nội dung phù hợp khả năng tiếp thu. Đối với tìm kiếm và chọn lọc thông tin: người học cần kỹ năng chọn lọc thông tin đáng tin cậy từ Internet; GV định hướng, giúp phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá thông tin. Đối với động lực và quản lý cảm xúc: học trực tuyến dễ gây cô đơn, mất động lực; GV cần tạo môi trường tích cực, hỗ trợ tinh thần người học. Năng lực người học trong MTS không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả học tập mà còn tác động đến cách xây dựng và thực hiện vai trò của mình, giúp tập trung vào phát triển nội dung khi người học vững nền tảng đặc biệt tăng cường hỗ trợ khi cần thiết.

- **Công nghệ hỗ trợ:** Công nghệ hỗ trợ trong môi trường dạy học số có vai trò quan trọng tác động trực tiếp đến cách giảng dạy của GV. Công

cụ giảng dạy trực tuyến như Zoom, Teams, Meet... giúp tổ chức HTT, hợp nhóm linh hoạt, nhưng đòi hỏi GV làm quen và điều chỉnh phương pháp giảng dạy. Hệ thống LMS như Moodle, Canvas... hỗ trợ GV quản lý, giao bài, chấm điểm hiệu quả, nhưng yêu cầu kỹ năng sử dụng tốt. Công cụ đánh giá như Google Forms, Kahoot... giúp GV nhanh chóng kiểm tra, phản hồi, cá nhân hóa hướng dẫn. Kho tài liệu trực tuyến đa dạng hỗ trợ nghiên cứu, tự học, nhưng cần GV chọn lọc nguồn tin cậy. Công cụ hợp tác như Google Docs tạo môi trường học tập nhóm, đòi hỏi GV hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng làm việc chung. Ứng dụng AI giúp cá nhân hóa học tập và theo dõi tiến trình nhưng cần GV nắm rõ cách hoạt động. Thực tế ảo (VR-Virtual Reality) mang lại trải nghiệm học tập mới mẻ, trực quan, đặc biệt cho các môn thực hành, nhưng GV cần kỹ năng sử dụng và chuẩn bị nội dung phù hợp. Công nghệ đòi hỏi GV liên tục cập nhật kỹ năng, đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ phát triển kỹ năng tự học và số hóa cho người học.

2.6. Đề xuất giải pháp

Để GV có thể thích ứng, đáp ứng với sự thay đổi và đảm nhiệm vai trò của mình trong môi trường GD số, bài báo đề xuất một số giải pháp nhằm hỗ trợ phát huy vai trò của mình trong bối cảnh GD kỹ thuật số này, bao gồm:

- **Phát triển kỹ năng CNTT:** Giảng viên cần được trang bị kỹ năng sử dụng công nghệ để có thể ứng dụng thành thạo các công cụ và nền tảng GD số. Điều này đòi hỏi sự đầu tư vào đào tạo và hỗ trợ GV về kỹ năng số và ứng dụng CNTT.

- **Thay đổi phương pháp giảng dạy:** Giảng viên nên được khuyến khích áp dụng các phương pháp giảng dạy linh hoạt, như học tập trực tuyến và kết hợp, để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học. Điều này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả dạy học mà còn tăng cường sự tương tác giữa GV và người học.

- **Tăng cường vai trò cố vấn, hướng dẫn:** Đối với MTS, vai trò của GV chuyển đổi từ người truyền đạt kiến thức sang vai trò của một cố vấn, người hướng dẫn, giúp người học tự chủ và phát triển kỹ năng tự học. Do đó, các chương trình đào tạo cần chú trọng vào việc phát triển kỹ năng mềm, kỹ năng quản lý và hỗ trợ người học cho GV.

- **Xây dựng môi trường hợp tác:** Giảng viên cần tham gia vào các cộng đồng học thuật và nhóm chia sẻ kinh nghiệm để đổi mới và học hỏi lẫn nhau về các phương pháp và công nghệ mới. Việc xây dựng môi trường hợp tác này có thể thực hiện qua các hội thảo, diễn đàn, hoặc cộng đồng trực tuyến.

- **Hỗ trợ từ tổ chức giáo dục:** Các tổ chức GD cần tạo điều kiện và cung cấp nguồn lực hỗ trợ GV trong quá trình chuyển đổi. Điều này bao gồm việc cung cấp các công cụ và nền tảng

kỹ thuật số phù hợp, cũng như xây dựng chính sách hỗ trợ cho việc phát triển nghề nghiệp của GV trong thời đại số.

Những đề xuất này nhằm thúc đẩy sự thích ứng 20 GV với MTS, giúp họ thực hiện vai trò mới một cách hiệu quả và đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của người học trong kỷ nguyên kỹ thuật số.

3. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển 128 nh mẽ của CNTT, vai trò của GV trong GD đã và đang có những thay đổi đáng kể. Không còn là tru 6; tâm truyền đạt tri thức một chiều, GV giờ đây đảm nhiệm vai trò 166 nhiều, từ người hướng dẫn, cố vấn đến người tạo điều kiện 53 hỗ trợ kỹ thuật... Sự thay đổi này, yêu cầu GV không chỉ nâng cao 175 thức chuyên môn mà còn phải phát triển các kỹ năng về công nghệ, sư phạm số và quản lý lớp HTT 173

Giáo dục số mở ra nhiều cơ hội cho GV 3 ong việc đổi mới, phát triển, cá nhân hóa phương pháp giảng 106, phát triển các tài nguyên học tập đa dạng 2; tăng cường khả năng tương tác với người học. Tuy 2 nhiên, nó cũng đặt ra nhiều thách thức, từ việc theo kịp tốc độ phát triển 8 ủa công nghệ đến áp lực quản lý thời gian và đảm bảo tính công bằng, khách quan trong đánh giá. Để vượt qua các th 77 thức này, GV cần sự hỗ trợ từ chính sách GD, các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng số và hạ tầng công nghệ phù hợp.

Nhìn chung, trong môi trư 116 GD số, vai trò của GV đã được mở rộng và đòi hỏi 4; r linh hoạt, sáng tạo cũng như tinh thần học h 47 ền tục. Với sự hỗ trợ và chuẩn bị kỹ lưỡng, GV có thể tận dụng tối đ 2 các lợi ích mà GD số mang lại, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của người học trong thời đại mới

Nguyễn Lê Hà - plagchecked.docx

ORIGINALITY REPORT

41 %

SIMILARITY INDEX

PRIMARY SOURCES

1	daotao.neu.edu.vn Internet	193 words — 3%
2	tailieu.vn Internet	164 words — 2%
3	files.qnamuni.edu.vn Internet	123 words — 2%
4	www.ctu.edu.vn Internet	114 words — 2%
5	Hanoi Pedagogical University 2 Publications	101 words — 1%
6	Hanoi University Publications	69 words — 1%
7	www.thuvientailieu.vn Internet	59 words — 1%
8	ier.edu.vn Internet	48 words — 1%
9	123docz.net Internet	44 words — 1%
10	www.slideshare.net Internet	

44 words — 1%

11 www.pace.edu.vn
Internet

38 words — 1%

12 www.zbook.vn
Internet

37 words — 1%

13 luatvietnam.vn
Internet

33 words — < 1%

14 danguy.vinhuni.edu.vn
Internet

32 words — < 1%

15 www.tailieudaihoc.com
Internet

28 words — < 1%

16 hstes.org
Internet

27 words — < 1%

17 qpan.vnu.edu.vn
Internet

27 words — < 1%

18 chuagiagno.com
Internet

26 words — < 1%

19 educationdocbox.com
Internet

26 words — < 1%

20 listens.online
Internet

25 words — < 1%

21 uah.edu.vn
Internet

24 words — < 1%

22 Hanoi National University of Education

22 words — < 1%

23 vnexpress.net
Internet

22 words — < 1%

24 lib.hnue.edu.vn
Internet

21 words — < 1%

25 Ton Duc Thang University
Publications

20 words — < 1%

26 bostonenglish.edu.vn
Internet

20 words — < 1%

27 Ho Chi Minh National Academy of Politics
Publications

19 words — < 1%

28 vietnamnet.vn
Internet

19 words — < 1%

29 www.segvn.org
Internet

19 words — < 1%

30 zingnews.vn
Internet

19 words — < 1%

31 hdll.vn
Internet

18 words — < 1%

32 www.cihp.vn
Internet

18 words — < 1%

33 chuyenlequydondb.edu.vn
Internet

17 words — < 1%

34 giaoducthoidai.vn

17 words — < 1%

35 luatsuviet.net.vn

Internet

17 words — < 1%

36 www.caodangvietmy.edu.vn

Internet

17 words — < 1%

37 www.bbc.com

Internet

16 words — < 1%

38 [Hanoi Pedagogycal University 2](#)

Publications

14 words — < 1%

39 cls.vn

Internet

14 words — < 1%

40 tuyengiao.vn

Internet

14 words — < 1%

41 ueb.edu.vn

Internet

14 words — < 1%

42 bossluxurywatch.vn

Internet

13 words — < 1%

43 tuvansuckhoe24h.com.vn

Internet

13 words — < 1%

44 [Banking Academy](#)

Publications

12 words — < 1%

45 blog.viettrip.vn

Internet

12 words — < 1%

46 fastwork.vn

12 words — < 1%

47 lpvn.vn Internet 12 words — < 1%

48 www.brandsvietnam.com Internet 12 words — < 1%

49 Mai Phú Hợp. "NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY", HUFLIT INTERNATIONAL CONFERENCE 2020 ON ENSURING A HIGH-QUALITY HUMAN RESOURCE IN THE MODERN AGE, 2020 Crossref 11 words — < 1%

50 caodangvinhphuc.edu.vn Internet 11 words — < 1%

51 careerbuilder.vn Internet 11 words — < 1%

52 dichvubaocaothue24h.blogspot.com Internet 11 words — < 1%

53 giasutiengphap.com Internet 11 words — < 1%

54 kyduyenplastic.blogspot.com Internet 11 words — < 1%

55 luanvan.net.vn Internet 11 words — < 1%

56 luatduonggia.vn Internet 11 words — < 1%

57	nationslcar.com Internet	11 words — < 1%
58	thuviengiaoan.vn Internet	11 words — < 1%
59	vieclam.tuoitre.vn Internet	11 words — < 1%
60	www.duhocduc.de Internet	11 words — < 1%
61	www.hau.edu.vn Internet	11 words — < 1%
62	www.socialforestry.org.vn Internet	11 words — < 1%
63	bizfly.vn Internet	10 words — < 1%
64	chinese.com.vn Internet	10 words — < 1%
65	cudvn.net Internet	10 words — < 1%
66	designs.vn Internet	10 words — < 1%
67	ducanhduhoc.vn Internet	10 words — < 1%
68	foreva.vn Internet	10 words — < 1%

forum.ueh.vn

69	Internet	10 words — < 1%
70	funix.edu.vn Internet	10 words — < 1%
71	gdnn.gov.vn Internet	10 words — < 1%
72	globalartvn.com Internet	10 words — < 1%
73	hcmuni.fpt.edu.vn Internet	10 words — < 1%
74	luanvan.co Internet	10 words — < 1%
75	mndaitu.vinhphuc.edu.vn Internet	10 words — < 1%
76	nhtc.neu.edu.vn Internet	10 words — < 1%
77	noithatig.com Internet	10 words — < 1%
78	sdh.hueuni.edu.vn Internet	10 words — < 1%
79	static2.vietstock.vn Internet	10 words — < 1%
80	toithichdoc.blogspot.ch Internet	10 words — < 1%
81	tokyocamera.vn	

10 words — < 1%

82 tuyencongchuc.vn
Internet

10 words — < 1%

83 vanbanphapluat.co
Internet

10 words — < 1%

84 vass.edu.vn
Internet

10 words — < 1%

85 vi1.warbletoncouncil.org
Internet

10 words — < 1%

86 wikitiensoc.com
Internet

10 words — < 1%

87 www.advantech.com
Internet

10 words — < 1%

88 www.amazing.edu.vn
Internet

10 words — < 1%

89 www.betterliving.edu.vn
Internet

10 words — < 1%

90 www.coursehero.com
Internet

10 words — < 1%

91 www.dubaonhanluchcmc.gov.vn
Internet

10 words — < 1%

92 www.nhanvanbook.vn
Internet

10 words — < 1%

93 yu.ctu.edu.vn

94 Pham T.T., Moeliono M., Nguyen T.H., Nguyen H.T., Vu T.H.. "Boi canh REDD+ Viet Nam: Nguyên nhân, doi tuong và the che", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2012
Crossref

95 annguhaiphong.com
Internet

96 anomaxx.net
Internet

97 baohaugiang.com.vn
Internet

98 bqllang.gov.vn
Internet

99 carrotstore.com
Internet

100 cdsptw.edu.vn
Internet

101 cmavn.org
Internet

102 congтуyensinh.vn
Internet

103 daynghethanhxuan.vn
Internet

104 diendancntt.vn
Internet

		9 words — < 1%
105	digitalknowledgehub.vnu.edu.vn Internet	9 words — < 1%
106	dihoc.com.vn Internet	9 words — < 1%
107	duhocnuocngoai2014.blogspot.com Internet	9 words — < 1%
108	hhdntg.vn Internet	9 words — < 1%
109	hotrotinghoc.com.vn Internet	9 words — < 1%
110	ifrsvietnam.vn Internet	9 words — < 1%
111	ilearning.ispace.edu.vn Internet	9 words — < 1%
112	lume.ufrgs.br Internet	9 words — < 1%
113	nangluongvietnam.vn Internet	9 words — < 1%
114	news.diemthi.edu.vn Internet	9 words — < 1%
115	sj.ctu.edu.vn Internet	9 words — < 1%
116	tailieumienphi.vn	

Internet

9 words — < 1%

117 taivenhanh.com
Internet

9 words — < 1%

118 talkenglish.edu.vn
Internet

9 words — < 1%

119 thptluongthevinh.edu.vn
Internet

9 words — < 1%

120 ththongkenh.pgdlgialoc.edu.vn
Internet

9 words — < 1%

121 toc.123docz.net
Internet

9 words — < 1%

122 truongnoivu-csmn.edu.vn
Internet

9 words — < 1%

123 vienthongke.vn
Internet

9 words — < 1%

124 vietfuture.edu.vn
Internet

9 words — < 1%

125 www.agu.edu.vn
Internet

9 words — < 1%

126 www.bachelorstudies.vn
Internet

9 words — < 1%

127 www.capapham.com
Internet

9 words — < 1%

128 www.eblogviet.com

9 words — < 1%

129 www.hiendaihoa.com

Internet

9 words — < 1%

130 www.huongnghiep24h.net

Internet

9 words — < 1%

131 www.lephuongtruong.com

Internet

9 words — < 1%

132 www.masterstudies.vn

Internet

9 words — < 1%

133 www.mordorintelligence.com

Internet

9 words — < 1%

134 www.nordangliaeducation.com

Internet

9 words — < 1%

135 www.thanhnienduongsat.vn

Internet

9 words — < 1%

136 www.vcu.edu.vn

Internet

9 words — < 1%

137 Pham T.T., Bennett K., Vu T.P., Brunner J., Le N.D.,
Nguyen D.T.. "Chi tra dich vu môi truong rung
tai Viet Nam: Tu ch&icaron;nh sâch den thuc tien", Center
for International Forestry Research (CIFOR) and World
Agroforestry Centre (ICRAF), 2013

Crossref

8 words — < 1%

138 antt.vn

Internet

8 words — < 1%

139	blog.timeuniversal.vn Internet	8 words — < 1%
140	cokhibkdn.edu.vn Internet	8 words — < 1%
141	csdlkhoahoc.hueuni.edu.vn Internet	8 words — < 1%
142	doc.edu.vn Internet	8 words — < 1%
143	edubit.vn Internet	8 words — < 1%
144	hientaiviet.edu.vn Internet	8 words — < 1%
145	lyluanchinhtri.vn Internet	8 words — < 1%
146	manguonmo.org Internet	8 words — < 1%
147	mctranthanh.com Internet	8 words — < 1%
148	papi.org.vn Internet	8 words — < 1%
149	planipolis.iiep.unesco.org Internet	8 words — < 1%
150	pou.edu.vn Internet	8 words — < 1%

151	Internet	8 words — < 1%
152	southeastasia.hss.de Internet	8 words — < 1%
153	tailieu.tv Internet	8 words — < 1%
154	thenguyen.edu.vn Internet	8 words — < 1%
155	thitruongforex.vn Internet	8 words — < 1%
156	thonlambao.blogspot.com Internet	8 words — < 1%
157	ttgdtxtanhhoa.edu.vn Internet	8 words — < 1%
158	ungdungrfid.com Internet	8 words — < 1%
159	vi.patchworktrans.com Internet	8 words — < 1%
160	vi.player.fm Internet	8 words — < 1%
161	vsc.edu.vn Internet	8 words — < 1%
162	webbee.vn Internet	8 words — < 1%
163	www.dangkimthi.com	

8 words — < 1%

164 www.duhocau.vn
Internet

8 words — < 1%

165 www.fatima17.com
Internet

8 words — < 1%

166 www.glotech.com.vn
Internet

8 words — < 1%

167 www.ibegin.vn
Internet

8 words — < 1%

168 www.neu.edu.vn
Internet

8 words — < 1%

169 www.quangninh.gov.vn
Internet

8 words — < 1%

170 www.thienhien.net
Internet

8 words — < 1%

171 www.vimass.vn
Internet

8 words — < 1%

172 Hanoi University of Public Health
Publications

7 words — < 1%

173 Nguyễn Duy Quý, Lê Nguyên Tịnh. "THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC Ở NƯỚC TA TRƯỚC YÊU CẦU CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0", HUFLIT INTERNATIONAL CONFERENCE 2020 ON ENSURING A HIGH-QUALITY HUMAN RESOURCE IN THE MODERN AGE, 2020
Crossref

7 words — < 1%

174 Thanh Linh Dương. "Ứng dụng ChatGPT thúc đẩy dạy và học bậc đại học trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo", Tập san Khoa học và kỹ thuật trường Đại học Bình Dương, 2023 7 words — < 1%
Crossref

175 Bùi Kim Hiếu. "ĐỔI MỚI TƯ DUY VỀ ĐÀO TẠO CỬ NHÂN LUẬT ĐÁP ỨNG NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC TRONG THỜI ĐẠI MỚI", HUFLIT INTERNATIONAL CONFERENCE 2020 ON ENSURING A HIGH-QUALITY HUMAN RESOURCE IN THE MODERN AGE, 2020 6 words — < 1%
Crossref

176 VNUA 6 words — < 1%
Publications

EXCLUDE QUOTES OFF
EXCLUDE BIBLIOGRAPHY OFF

EXCLUDE SOURCES OFF
EXCLUDE MATCHES OFF